

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH TRẠNG NGOÀI NHÀ TRƯỜNG CỦA TRẺ EM TUỔI TRUNG HỌC Ở VIỆT NAM

TRẦN QUÝ LONG*

Từ khóa: trẻ em, ngoài nhà trường, bỏ học, tiếp cận giáo dục, vốn con người.

Ngày nhận bài: 19/5/2020; *ngày gửi phản biện:* 20/5/2020; *ngày duyệt đăng bài:* 10/8/2020.

Đặt vấn đề

Giáo dục là yếu tố quan trọng để xây dựng vốn con người cho mỗi cá nhân và nguồn lực xã hội cho một quốc gia. Giáo dục phục vụ cho các khả năng, sở thích và là điều quan trọng không chỉ để đưa những người trẻ tuổi vào con đường đến với thế giới công việc mà còn cung cấp cho các quốc gia lực lượng lao động có giáo dục mà họ cần để cạnh tranh trong thế giới công nghệ ngày nay (UNESCO, 2012). Trẻ em cần phải học hết lớp cuối cùng của bậc trung học phổ thông bởi vì bậc học này có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển và an sinh của cá nhân. Để có thể giải quyết thành công rất nhiều các nguy cơ đối với sự phát triển và các quyền của mình, trẻ em cần được trang bị nhiều kiến thức và kỹ năng thiết yếu, trong đó có kỹ năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, tìm hiểu và đánh giá thông tin có tư duy và giao tiếp hiệu quả (UNICEF, 2011). Mặc dù không ai mong muốn trẻ em phải bỏ học, đi học muộn hay lưu ban, song được đến trường thì vẫn tốt hơn là không đi học. Đối với trẻ em tuổi trung học không đi học cho thấy những khó khăn khi chuyển từ đi học sang đi làm với nguồn vốn con người thấp. Thời niên thiếu là giai đoạn quan trọng trong cuộc đời của mỗi cá nhân để xây dựng nguồn vốn con người, mà nguồn vốn này có thể giúp cá nhân có việc làm ổn định, thu nhập tốt và hướng đến cuộc sống đầy đủ hơn.

Nguồn vốn con người được hình thành từ thời niên thiếu bằng cách thu nhận học vấn, kiến thức, kỹ năng tại các cơ sở giáo dục. Nếu thời niên thiếu trẻ em không đi học thì rất có khả năng sẽ tham gia những hoạt động có hại cho bản thân và xã hội. Ngoài việc mang lại cho cá nhân kiến thức, kỹ năng, đi học còn là yếu tố bảo vệ trẻ em tránh tham gia vào những hành vi nguy cơ đến sức khỏe và tính mạng. Vì thế, học vấn thường được gọi là “vắc-xin xã hội” (World Bank, 2006). Những lợi ích thu được từ việc đầu tư cho giáo dục có thể được tính bằng tiền, thời gian nhưng cũng khó có thể tính được như lợi ích tràn xã hội, hệ các giá trị,

* ThS.; Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

niềm tin, cảm giác hài lòng và hạnh phúc do vốn con người bao gồm tri thức và năng lực đem lại (Trần Quốc Toàn và cộng sự, 2012). Vì thế, UNESCO đã xác định bốn trụ cột quan trọng của giáo dục thế kỉ XXI là: “Học để hiểu biết, học để làm việc, học để chung sống, học để khẳng định bản thân” (UNESCO, 2005).

Báo cáo giám sát giáo dục toàn cầu năm 2012 cho biết, ngay cả các quốc gia đã đạt được mức cao trong tuyển sinh trung học cơ sở nhưng nhiều người trẻ tuổi không thể tiếp tục học trung học phổ thông. Cải thiện quá trình chuyển đổi lên trung học phổ thông là một thách thức không chỉ đối với các nước nghèo; một số nước giàu vẫn đang vật lộn để làm cho giáo dục trung học phổ thông gần mức phổ cập. Sự bất bình đẳng ở bậc trung học phổ thông trong mỗi quốc gia thậm chí còn nổi bật hơn sự bất bình đẳng giữa các quốc gia (UNESCO, 2007). Nhiều trẻ em ở những nước thu nhập thấp như châu Phi và Nam Á không bao giờ đến trường. Khoảng 3/5 những người trẻ tuổi (từ 15 - 19 tuổi) ở Burkina Faso, Mali và Nigeria thậm chí chưa bao giờ đến trường (UNESCO, 2012). Những cuộc khảo sát quốc gia cho thấy trẻ em tuổi giáo dục phổ thông không còn đến trường là vấn đề cần quan tâm ở Việt Nam trong thời gian gần đây. Chẳng hạn, kết quả điều tra quốc gia về lao động trẻ em cho biết, có 26,5% trẻ em từ 15 - 17 tuổi không đi học tại thời điểm khảo sát (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, ILO, 2014).

Có thể nói, việc nghiên cứu chỉ báo có giá trị mang tính chất tiêu cực như “ngoài nhà trường” (hay còn gọi là không đi học) là một điều kiện cơ bản để có thể nắm bắt tình trạng tiếp cận giáo dục của trẻ em nói chung và vốn con người nói riêng. Nghiên cứu này tìm hiểu và trình bày về tình trạng trẻ em ngoài nhà trường có đặc điểm ra sao? Những yếu tố nào có ảnh hưởng đến tình trạng ngoài nhà trường của trẻ em?

1. Tổng quan nghiên cứu

Yếu tố giới được nhìn nhận là có mối quan hệ với tỉ lệ ngoài nhà trường của trẻ em. Theo khảo sát của Chương trình nghiên cứu “Những cuộc đời trẻ thơ” ở Việt Nam, tỉ lệ thôi học của trẻ em trai ở độ tuổi 15 là 24,5% và trẻ em gái là 17,1% (Young Lives, 2011). Kết quả Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam (MICS) 2014 cho biết, tỉ lệ trẻ em gái trong tổng số trẻ em ngoài nhà trường bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông nhỏ hơn một nửa so với trẻ em trai ở hầu hết các vùng và cả ở hai khu vực thành thị và nông thôn. Tỉ lệ này đặc biệt thấp ở vùng Tây Nguyên (39,8%) một lần nữa nêu bật số lượng lớn trẻ em trai ngoài nhà trường (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2015). Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tỉnh Gia Lai cho thấy có sự tăng lên trong tỉ lệ trẻ em gái hiện đang đi học, 50,9% ở cấp trung học cơ sở và 54,9% ở cấp trung học phổ thông. Những số liệu này cho thấy

có tỉ lệ bỏ học cao trong các em trai, đặc biệt khi chuyển từ cấp trung học cơ sở lên trung học phổ thông (UBND tỉnh Gia Lai và UNICEF Việt Nam, 2015). Báo cáo phân tích tình hình trẻ em ở Tp. Hồ Chí Minh cho biết, gần 70% trẻ em trai ngoài nhà trường ở độ tuổi trung học cơ sở, qua đó cho thấy sự khác biệt lớn về giới mà theo đó các bé trai gặp nhiều bất lợi hơn (UBND Tp. Hồ Chí Minh, UNICEF, 2017). Khi tính đến ảnh hưởng của các yếu tố khác, xác suất đi học của trẻ em gái cao hơn so với trẻ em trai (Trần Quý Long, 2018c).

Tình trạng ngoài nhà trường có tỉ lệ thuận với tuổi của trẻ em. Chẳng hạn, trẻ em thôi học ở độ tuổi 11 chỉ chiếm 3,87%, tỉ lệ này tăng lên 15,76% ở độ tuổi 14 nhưng ở độ tuổi 17 lên tới 39,18%, tức là hơn 1/3 số trẻ em ở độ tuổi này thôi học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNICEF Việt Nam, 2013). Tuổi là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng việc được đi học của trẻ em. Khi tăng thêm 1 tuổi thì xác suất đi học của trẻ em lại giảm xuống (Trần Quý Long, 2014; Trần Quý Long, 2018c). Theo một báo cáo, tỉ lệ trẻ em trong độ tuổi trung học cơ sở ngoài nhà trường ở Tp. Hồ Chí Minh tăng theo độ tuổi. Điều này cho thấy, mặc dù công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở đã đạt được những thành tựu ở cấp quốc gia thì vẫn có những khoảng trống về chất lượng giáo dục và việc hoàn thành hiệu quả bậc học này đối với một số nhóm học sinh (UBND Tp. Hồ Chí Minh, UNICEF, 2017).

Thành phần dân tộc có mối quan hệ với tình trạng trẻ em ngoài nhà trường và trẻ em dân tộc thiểu số luôn có tỉ lệ cao hơn trẻ em người Kinh. Một báo cáo cho biết, tỉ lệ thôi học của trẻ em độ tuổi trung học cơ sở dân tộc Khmer và Mông là 32,37% và 20,76%, cao hơn dân tộc Kinh (7,85%). Đáng lưu ý là gần 1/3 trẻ em dân tộc Khmer độ tuổi trung học cơ sở đã thôi học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNICEF Việt Nam, 2013). Đối với 4 tỉnh có tỉ lệ dân tộc thiểu số cao, tỉ lệ trẻ em ngoài nhà trường trung học cơ sở cao hơn rất nhiều ở các nhóm dân tộc thiểu số. Có 38,45% và 33,84% trẻ em dân tộc Mông độ tuổi trung học cơ sở ngoài nhà trường so với 1,84% và 3,84% trẻ em dân tộc Kinh ở tỉnh Điện Biên và tỉnh Lào Cai. Điều này khẳng định còn tồn tại bất bình đẳng rất lớn trong giáo dục đối với trẻ em dân tộc Mông (Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNICEF Việt Nam, 2013). Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2014 (MICS, 2014) cho thấy, tỉ lệ trẻ em tuổi trung học phổ thông ở ngoài nhà trường của nhóm dân tộc Kinh thấp hơn 41,3 điểm phần trăm so với dân tộc thiểu số, 19,5% so với 47,2% (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2015). Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tỉnh Ninh Thuận kết luận, tỉ lệ bỏ học cao và kết quả học tập thấp của trẻ em người Raglay được coi là một trong những vấn đề lớn về kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều trẻ em Raglay bỏ học vào cuối lớp 5 hoặc trước khi lên lớp 9 và không hoàn thành bậc học trung học cơ sở. Một điểm quan trọng nữa là trẻ em trai

Raglay bỏ học sớm nhiều hơn trẻ em gái (UBND tỉnh Ninh Thuận và UNICEF Việt Nam, 2012). Tương tự, tỉ lệ trẻ em người dân tộc thiểu số (chủ yếu người Jrai và Bana) ở tỉnh Gia Lai hiện đang đi học giảm nhanh xuống còn 38,2% ở cấp trung học cơ sở và 17,5% ở cấp trung học phổ thông (tương ứng với mức giảm 14,2 % giữa tỉ lệ trẻ em dân tộc thiểu số cấp tiểu học và trung học cơ sở và 20,7% giữa cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông). Đây là xu hướng thường thấy ở các tỉnh của Việt Nam có đông người dân tộc thiểu số sinh sống. Tuy nhiên, mức độ chênh lệch ở tỉnh Gia Lai có vẻ cao hơn so với một số tỉnh khác (UBND tỉnh Gia Lai và UNICEF Việt Nam, 2015). Ước lượng mối quan hệ giữa thành phần dân tộc với nguy cơ thôi học của trẻ em cho kết quả là trẻ em người Kinh có khoảng thời gian đi học dài hơn, nghĩa là ít bỏ học hơn so với trẻ em dân tộc thiểu số (Trần Quý Long, 2013). Kết quả phân tích đa biến của các nghiên cứu cho thấy, trẻ em dân tộc thiểu số có xác suất nhập học thấp hơn so với trẻ em dân tộc đa số ở bậc trung học phổ thông (Vu Hoang Linh, 2012). So với nhóm người Kinh, khả năng trẻ em dân tộc thiểu số trong độ tuổi học trung học được đi học thấp hơn (Trần Quý Long, 2018c).

Các kết quả khảo sát quốc gia ở Việt Nam cho thấy mối quan hệ nghịch biến giữa học vấn của bố mẹ và tình trạng trẻ em ngoài nhà trường. Theo MICS năm 2014, tỉ lệ trẻ em tuổi trung học ngoài nhà trường ở nhóm mẹ không bằng cấp là 62%, tỉ lệ này giảm xuống mức 35,5% ở nhóm mẹ với học vấn tiểu học và chỉ còn 2,4% ở nhóm mẹ với học vấn từ trung học chuyên nghiệp, cao đẳng trở lên (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2015). Nghiên cứu “Những cuộc đời trẻ thơ” cũng khẳng định, bố mẹ có học vấn cao hơn thì khả năng con cái bỏ học ít hơn. Theo đó, tỉ lệ trẻ em 15 tuổi bỏ học ở nhóm bố mẹ không đi học là cao nhất (40,6%). Tỉ lệ này giảm xuống ở mức 35,1% ở nhóm bố mẹ có học vấn tiểu học và 14,6% ở nhóm bố mẹ có học vấn từ tiểu học trở lên (Young Lives, 2011). Học vấn của người bố là yếu tố có tác động nhân quả đến khả năng đi học của trẻ em. Nhóm trẻ em có bố với học vấn cao hơn có khả năng được đi học nhiều hơn (Trần Quý Long, 2018c).

Nghề nghiệp của bố mẹ có mối quan hệ với tình trạng ngoài nhà trường của trẻ em. Trẻ em có xác suất thôi học cao hơn trong gia đình cả hai bố mẹ đều làm nghề lao động giản đơn (Trần Quý Long, 2013). Nghề nghiệp của người bố có ảnh hưởng đến xác suất đi học của trẻ em. Nếu trẻ em ở trong gia đình có bố làm nghề lao động giản đơn thì xác suất đi học thấp hơn so với nhóm trẻ em có bố không làm nghề lao động giản đơn (Trần Quý Long, 2014).

Quy mô hộ gia đình có ảnh hưởng tiêu cực đến việc nhập học của trẻ em. Theo một báo cáo, các hộ gia đình người Kinh nghèo đông con thường chọn cách cho

đứa lớn nghỉ học để đi làm giúp đỡ gia đình, còn những đứa nhỏ được đi học (UBND tỉnh Ninh Thuận, UNICEF Việt Nam, 2012). Các hộ gia đình có quy mô nhỏ hơn có xu hướng cho con cái đến trường nhiều hơn các hộ gia đình có quy mô lớn (Vu Hoang Linh, 2012). Trẻ em tuổi trung học có xác suất không đi học cao hơn ở hộ gia đình có số thành viên nhiều hơn (Trần Quý Long, 2018c). Do ảnh hưởng của tình trạng đông người, hộ gia đình cần phải cắt giảm chi phí học tập và huy động trẻ em tham gia làm việc nhằm tăng thêm thu nhập (Trần Quý Long, 2018b).

Tình trạng trẻ em ngoài nhà trường có mối quan hệ với mức sống hộ gia đình. Theo MICS Việt Nam năm 2014, trẻ em độ tuổi trung học cơ sở ngoài nhà trường ở nhóm mức sống nghèo nhất là 16,4%, tỉ lệ này giảm xuống 3% ở nhóm có mức sống trung bình và 1,4% ở nhóm có mức sống khá giả. Tương tự, trẻ em độ tuổi trung học phổ thông ngoài nhà trường ở nhóm mức sống nghèo nhất là 49%. Ngược lại, trẻ em ngoài nhà trường ở nhóm mức sống trung bình là 21,8% và ở nhóm khá giả là 5,8% (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2015). Một nghiên cứu khác cho biết, trẻ em bỏ học ở độ tuổi cao hơn, tức là duy trì thời gian đi học nhiều hơn ở gia đình có mức sống cao hơn. Qua đó cho thấy, việc tiếp cận và duy trì học đường của trẻ em phụ thuộc nhiều vào điều kiện kinh tế gia đình (Trần Quý Long, 2013). Việc trẻ em không đi học có thể được xem như là một trong những biểu hiện quan trọng của tình trạng nghèo khổ. Các chi phí dịch vụ cao có thể đẩy các gia đình đến chỗ nghèo hoặc làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói. Do vậy, các khoản chi phí là rào cản khi các gia đình muốn sử dụng dịch vụ giáo dục cũng như cải thiện tình trạng học vấn cho trẻ em (Trần Quý Long, 2018b).

Nơi cư trú thành thị - nông thôn có mối quan hệ với việc trẻ em không đi học. Các nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy, tỉ lệ bỏ học ở các lớp cấp hai và cấp ba khu vực nông thôn cao hơn so với khu vực thành thị. Tại các vùng nông thôn, số lượng bỏ học có chiều hướng cao hơn, nhất là ở những khu vực có mức thu nhập hộ gia đình thấp hơn so với nơi khác (UBND tỉnh An Giang, UNICEF Việt Nam, 2012). Năm 2014, Tp. Hồ Chí Minh có tỉ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở khu vực nông thôn cao hơn gần ba lần so với khu vực thành thị, lần lượt là 11,1% và 3,8% (UBND Tp. Hồ Chí Minh, UNICEF, 2017). Theo kết quả MICS Việt Nam năm 2014, tỉ lệ trẻ em độ tuổi trung học phổ thông ngoài nhà trường ở khu vực thành thị là 17,6% và ở khu vực nông thôn là 26,6% (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2015). Tuy nhiên, kết quả phân tích đa biến của Vũ Hoàng Linh cho thấy, trẻ em thành thị không có nhiều khả năng nhập học hơn trẻ em nông thôn tại bậc trung học cơ sở, trung học phổ thông (Vu Hoang Linh, 2012).

Trẻ em Việt Nam trong tuổi trung học ở những vùng khác nhau có tỉ lệ ngoài nhà trường khác nhau qua các số liệu quốc gia. Theo MICS 2014, trẻ em độ tuổi

trung học phổ thông ngoài nhà trường cao nhất ở Tây Nguyên (41%), thứ hai là Đồng bằng sông Cửu Long (32,9%). Ngược lại, tỉ lệ này thấp nhất ở đồng bằng sông Hồng (11,5%) (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2015). Một nghiên cứu cho thấy, xác suất nhập học của trẻ em tuổi trung học cao nhất là ở Đồng bằng sông Hồng và thấp nhất là ở Đồng bằng sông Cửu Long (Trần Quý Long, 2018c).

2. Cơ sở lý thuyết, số liệu và phương pháp phân tích

Lý thuyết vốn con người đề cập đến sự đầu tư vào con người để gia tăng năng suất lao động. Cũng giống như các loại đầu tư khác, những khoản đầu tư vào vốn con người đòi hỏi phải có những hi sinh nhất định. Người ta chấp nhận hi sinh đó vì họ hi vọng sẽ được bù lại với nguồn thu nhập cao trong tương lai. Tương tự như vốn tài chính, ai có nhiều vốn thì có khả năng kiếm lãi cao, cá nhân nào có nhiều vốn con người sẽ có khả năng cạnh tranh được trên thị trường lao động, thu hồi vốn nhanh. Về bản chất, vốn con người được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Theo lý thuyết vốn con người, đầu tư vào vốn con người bao gồm giáo dục trong nhà trường và đào tạo chuyên môn trong quá trình làm việc, giáo dục là lĩnh vực đầu tư tốt nhất cho sự phát triển cá nhân và tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội. Theo G. Becker, nền giáo dục mà người lớn nhận được khi còn là đứa trẻ sẽ có ảnh hưởng đến vốn nhân lực của con cái họ. Lý thuyết vốn con người cho rằng chi phí cho giáo dục và đào tạo là tốn kém và cần phải được xem như là sự đầu tư bởi vì nó được thực hiện với một tầm nhìn hướng đến sự tăng thu nhập của cá nhân trong tương lai (Gary S. Becker, 1993).

Nghiên cứu sử dụng số liệu Khảo sát mức sống dân cư (MSDC) Việt Nam năm 2016. Cuộc khảo sát này cung cấp những số liệu có chất lượng cao với một phạm vi rộng liên quan đến các chỉ báo về tiếp cận giáo dục của trẻ em và các đặc trưng cá nhân, gia đình và cộng đồng. Khảo sát MSDC 2016 được triển khai trên phạm vi cả nước với quy mô mẫu 9.399 hộ gia đình ở 3.133 xã/phường, đại diện cho cả nước, các vùng, khu vực thành thị, nông thôn và tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Nghiên cứu tập trung phân tích tình trạng ngoài nhà trường theo các yếu tố ảnh hưởng của nhóm dân số trẻ em tuổi trung học từ 11 - 18 tuổi. Mẫu phân tích là 3.471 trẻ em thành viên hộ gia đình và là con của chủ hộ.

Biến số phụ thuộc được xây dựng với hai giá trị: 1 = ngoài nhà trường (không đi học), và 0 = ngược lại. Với biến số phụ thuộc có hai giá trị như vậy, mô hình hồi quy đa biến Probit được sử dụng nhằm tìm hiểu sự ảnh hưởng của các biến số độc lập đến tỉ lệ ngoài nhà trường của trẻ em tuổi trung học được chuẩn hóa bằng điểm số z-score khi tính đến ảnh hưởng của các biến số khác trong mô hình.

3. Trẻ em ngoài nhà trường và các yếu tố ảnh hưởng

3.1. Phân tích mô tả mẫu nghiên cứu

Trong số 3.471 trẻ em ở độ tuổi từ 11 - 18 được phân tích, tỉ lệ trẻ em trai là 51,2% và trẻ em gái là 48,8%. Độ tuổi trẻ em trong mẫu phân tích của nghiên cứu có sự phân bố từ 11 đến 18 tuổi (độ tuổi học lớp 12 ở học kì II), trong đó độ tuổi 11 và 18 tuổi có tỉ lệ thấp nhất, khoảng 7%, các độ tuổi còn lại khá tương đồng nhau với tỉ lệ khoảng 15%. Trẻ em dân tộc thiểu số chiếm một phần tư trong mẫu phân tích (24,6%), còn trẻ em người Kinh là 75,4%.

Về đặc điểm của bố mẹ, trẻ em có bố mẹ làm nghề lao động giản đơn (làm nông nghiệp ở nông thôn, lao động không có chuyên môn ở thành thị) chiếm tỉ lệ 31,6%, số còn lại làm nghề chuyên môn kĩ thuật, công nhân, phi nông nghiệp. Tỉ lệ trẻ em có cả hai bố mẹ với trình độ học vấn tiểu học trở xuống chiếm tỉ lệ thấp nhất (25,2%) và cao nhất là bố mẹ có học vấn trung học cơ sở (40,2%), số còn lại (34,6%) là bố mẹ có học vấn từ trung học phổ thông trở lên.

Số lượng thành viên hộ gia đình trung bình trong mẫu phân tích là 4,6 người với giá trị từ 3 đến 12. Có 27,4% trẻ em sống trong gia đình có mức sống nghèo nhất, 22% trẻ em ở gia đình có mức sống cận nghèo và trung bình, 12,8% và 17,4% trẻ em sống trong hộ gia đình khá và giàu. Nơi cư trú của trẻ em là 26% ở thành thị và 74% ở nông thôn. Trong 6 vùng địa lí của đất nước, tỉ lệ phân bố mẫu phân tích về nơi cư trú của trẻ em cao nhất ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (24,5%), tiếp theo là Trung du và miền núi phía Bắc (20%). Hai vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có tỉ lệ tương đương nhau (17%) và thấp nhất là ở hai vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ (10%).

3.2. Thực trạng và đặc điểm về trẻ em tuổi trung học ngoài nhà trường

Kết quả phân tích số liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình 2016 cho thấy, có khoảng 20% trẻ em tuổi trung học (từ 11 - 17 tuổi) ngoài nhà trường tại thời điểm khảo sát. Như thế, một số lượng trẻ em sẽ không có cơ hội tiếp cận được với giáo dục trung học (bao gồm cả học văn hóa trong các cơ sở dạy nghề sơ cấp, trung cấp, trung học chuyên nghiệp). Những trẻ em này sẽ không bao giờ có cơ hội thể hiện động lực và năng lực học tập của bản thân. Điều này không chỉ không công bằng mà nó còn thể hiện một sự lãng phí đáng tiếc về nguồn lực đối với những trẻ em tuổi trung học không đi học cũng như đối với toàn xã hội. Học tập là một quá trình lặp đi lặp lại trong cuộc đời, trong đó thời điểm và tính liên tục của sự đầu tư có ý nghĩa quan trọng. Đầu tư vào giáo dục cần tiến hành trong thời kì vị thành niên vì đây là giai đoạn quan trọng cho sự phát triển bình thường của hầu hết các kĩ năng.

Những thất bại trong việc đầu tư giáo dục ở giai đoạn này là rất tốn kém để khắc phục về sau. Nếu trẻ em tuổi trung học không tham gia học tập để sở hữu những kỹ năng, kiến thức cơ bản trước khi bước vào thị trường lao động hoặc tham gia các bậc giáo dục cao hơn thì đây là một cơ hội đã bị bỏ qua.

Theo kết quả phân tích, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong tỉ lệ ngoài nhà trường theo giới, trẻ em gái có tỉ lệ thấp hơn trẻ em trai, 17,8% so với 21,9%. Khi tuổi tăng lên thì tỉ lệ trẻ em ngoài nhà trường cũng tăng lên. Theo đó, tỉ lệ trẻ em ngoài nhà trường tăng từ 7,5% ở năm đầu của bậc trung học cơ sở (11 tuổi) lên mức 15,4% ở nhóm trẻ em trong độ tuổi học lớp cuối cùng của bậc học này (14 tuổi). Đối với trẻ em trong tuổi học trung học phổ thông, tỉ lệ ngoài nhà trường tăng lên khoảng 35% ở độ tuổi cuối cùng của bậc học này (17 tuổi). Tỉ lệ ngoài nhà trường của trẻ em ở nhóm người Kinh thấp hơn một nửa so với nhóm trẻ em người dân tộc thiểu số, 16,4% so với 30,8% và sự khác biệt này rất có ý nghĩa thống kê.

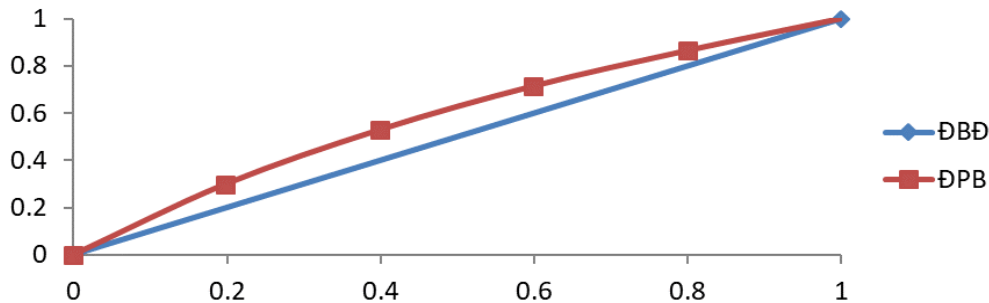
Học vấn của bố mẹ và tỉ lệ trẻ em ngoài nhà trường trong độ tuổi trung học có mối quan hệ nghịch biến. Nếu như có khoảng 35,2% trẻ em ở nhóm bố mẹ có trình độ học vấn từ tiểu học trở xuống ngoài nhà trường tại thời điểm khảo sát thì tỉ lệ này là 16,9% ở nhóm bố mẹ có trình độ học vấn trung học cơ sở và là 12,3% ở nhóm bố mẹ có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên. Trẻ em ở nhóm bố mẹ làm nghề lao động giản đơn có tỉ lệ ngoài nhà trường cao hơn so với nhóm có bố mẹ làm nghề chuyên môn, 26,4% so với 14,9%.

Số thành viên hộ gia đình có mối liên hệ đồng biến nhưng mức sống của hộ gia đình lại có mối quan hệ nghịch biến rất có ý nghĩa thống kê với tỉ lệ ngoài nhà trường của trẻ em trong độ tuổi trung học. Trẻ em ở nhóm gia đình có mức sống thấp nhất có tỉ lệ ngoài nhà trường là 30,1%, tỉ lệ này giảm xuống còn 18,4% ở nhóm có mức sống trung bình và ở mức 13,4% ở nhóm có mức sống cao nhất.

Biểu đồ 1 trình bày sự bất bình đẳng bằng đường cong về tỉ lệ ngoài nhà trường của trẻ em trong độ tuổi trung học theo mức sống hộ gia đình. Biểu đồ bất bình đẳng là một loại đồ thị dùng để thể hiện mức độ thiếu đồng đều hoặc bất bình đẳng của một phân phối nào đó. Đường phân bố (ĐPB) của biểu đồ càng xa đường bình đẳng (ĐBĐ) thì sự bất bình đẳng càng cao và ngược lại. Hệ số bất bình đẳng được tính bằng 2 lần diện tích giữa ĐBĐ với ĐPB. Nếu hệ số bằng 1 thì không có tình trạng bất bình đẳng. Theo kết quả phân tích, hệ số bất bình đẳng trong tỉ lệ ngoài nhà trường của trẻ em giữa các nhóm mức sống trong mẫu nghiên cứu được tính toán là - 0,16. Trên đồ thị, đoạn đường cong đầu tiên của

đường phân bố thể hiện tỉ lệ ngoài nhà trường của trẻ em ở nhóm hộ gia đình có mức sống nghèo nhất. Tại thời điểm khảo sát, số trẻ em trong độ tuổi học trung học ở nhóm hộ gia đình nghèo nhất là 20% nhưng tỉ lệ ngoài nhà trường cao hơn 10 điểm phần trăm (30%). Ngược lại, tỉ lệ trẻ em ở hộ gia đình có mức sống giàu nhất là 20% nhưng số lượng ngoài nhà trường chỉ là 13%.

Biểu đồ 1: Bất bình đẳng theo mức sống trong tỉ lệ ngoài nhà trường của trẻ em tuổi trung học



Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Khảo sát Mức sống dân cư năm 2016.

Kết quả phân tích cho thấy, trẻ em trong độ tuổi học trung học ở khu vực nông thôn có tỉ lệ ngoài nhà trường cao hơn trẻ em ở khu vực thành thị khoảng 7 điểm phần trăm, 22,1% so với 13,78%. Tỉ lệ ngoài nhà trường của trẻ em trong độ tuổi trung học có sự khác biệt giữa các vùng. Theo đó, trẻ em ngoài nhà trường cao nhất là vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên (24%), sau đó là ở Đồng bằng sông Cửu Long (23,1%). Trẻ em ở Đồng bằng sông Hồng có tỉ lệ ngoài nhà trường thấp nhất (12,6%).

3.3. Phân tích đa biến về các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng trẻ em ngoài nhà trường

Kết quả phân tích đa biến hồi quy Probit về các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng ngoài nhà trường của trẻ em được trình bày ở bảng 1. Tỉ lệ trẻ em ngoài nhà trường giữa các nhóm/phân tổ nghiên cứu so với nhóm so sánh được chuẩn hóa và thể hiện ở cột hệ số. Tiếp theo là cột giá trị thống kê z thể hiện tác động của các yếu tố đối với tình trạng trẻ em ngoài nhà trường có ý nghĩa thống kê hay không. Khoảng tin cậy (C.I) 95% của hệ số hồi quy thể hiện ở hai cột tiếp theo với giá trị cận trên và cận dưới.

Theo kết quả phân tích, trẻ em gái có tình trạng ngoài nhà trường thấp hơn trẻ em trai trong điều kiện tính đến ảnh hưởng của các biến số độc lập khác trong mô hình với hệ số hồi quy $\beta = -0,16$ và mức ý nghĩa thống kê $p < 0,01$. Có thể các bậc

cha mẹ nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục như là một phương thức để có được kiến thức, nguồn vốn con người vững chắc và để tiếp nhận những cơ hội mới trong cuộc sống đối với trẻ em gái. Vì thế, trẻ em gái được đi học nhiều hơn nên ở ngoài nhà trường thấp hơn so với trẻ em trai.

Trẻ em ở tuổi lớn hơn có tỉ lệ ngoài nhà trường cao hơn khi tính đến ảnh hưởng của các biến số khác trong mô hình. Nếu như tăng một tuổi trong khoảng từ 11 - 17 tuổi thì hệ số hồi quy về tình trạng trẻ em ngoài nhà trường tăng 0,19 đơn vị ($\beta=0,19$; $z=14,1$; 95% C.I=0,16-0,21). Điều đó cho thấy, gia đình và trẻ em cần quan tâm hơn đến việc đầu tư cho giáo dục trong độ tuổi này. Có thể nói đây là bằng chứng rõ ràng nhất cho thấy sự đánh đổi mà những trẻ em lớn tuổi hơn phải đối mặt, vì khi mỗi tuổi qua đi, thời gian của trẻ em cũng có giá trị hơn và thời gian đó có thể được sử dụng để đi làm tìm kiếm thu nhập, phụ giúp gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh, làm việc nhà hoặc thậm chí có thể lập gia đình (Trần Quý Long, 2018c).

Bảng 1: Mô hình hồi quy đa biến Probit về các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng trẻ em tuổi trung học ngoài nhà trường

Yếu tố	Đặc trưng	Hệ số (β)	z	95% C.I	
Giới tính	Nam (nhóm so sánh)	0			
	Nữ	-0,16***	-3,13	-0,27	-0,06
Tuổi		0,19***	14,14	0,16	0,21
Thành phần dân tộc	Thiểu số (nhóm so sánh)	0			
	Kinh	-0,20***	-2,34	-0,36	-0,03
Học vấn bố mẹ	Tiểu học (nhóm so sánh)	0			
	Trung học cơ sở	-0,44***	-6,68	-0,58	-0,31
	>= Trung học phổ thông	-0,56***	-7,41	-0,71	-0,41
Nghề nghiệp bố mẹ	Chuyên môn (nhóm so sánh)	0			
	Lao động giản đơn	0,13**	1,99	0,00	0,26
Số thành viên		0,04**	1,91	0,00	0,08
Mức sống	Nghèo nhất (nhóm so sánh)	0			
	Nghèo	-0,11	-1,30	-0,27	0,06
	Trung bình	-0,14	-1,53	-0,32	0,04
	Khá giả	-0,20**	-1,97	-0,39	0,00
	Giàu	-0,18*	-1,69	-0,38	0,03
Khu vực	Thành thị (nhóm so sánh)	0			
	Nông thôn	0,07	1,03	-0,07	0,21

Vùng	Đồng bằng sông Hồng (nhóm so sánh)	0			
	Trung du và miền núi phía Bắc	0,01	0,01	-0,20	0,20
	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	0,09	1,04	-0,08	0,27
	Tây Nguyên	0,12	1,02	-0,11	0,34
	Đông Nam Bộ	0,16*	1,50	-0,05	0,38
	Đồng bằng sông Cửu Long	0,29**	3,14	0,11	0,47

N=3.471; Pseudo R2 = 0,126

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu Khảo sát Mức sống dân cư năm 2016.

Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,1$; ** $p < 0,05$; *** $p < 0,01$.

Trẻ em dân tộc Kinh ở ngoài nhà trường thấp hơn trẻ em dân tộc thiểu số rất nhiều với hệ số là -0,20 và rất có ý nghĩa thống kê. Điều này thể hiện rằng, trẻ em dân tộc thiểu số bước vào thị trường lao động với học vấn chưa hoàn thành giáo dục ở các bậc trung học hoặc cao hơn so với trẻ em người Kinh sẽ là một bất lợi. Có thể thấy, một phần của sự khác biệt này là do sự phân phối hiếm hoi về nghề nghiệp, kỹ năng cũng như nhu cầu xây dựng một xã hội công nghiệp thấp trong những khu vực dân tộc thiểu số kém phát triển và nghèo. Vì thế, nó đã làm cho gia đình và cá nhân trẻ em người dân tộc thiểu số không chú trọng đến việc đầu tư tiền bạc và thời gian cho giáo dục như lý thuyết vốn con người đã đề cập.

Học vấn của bố mẹ có ảnh hưởng đến xác suất ngoài nhà trường của trẻ em tuổi trung học. Kết quả phân tích cho thấy, bố mẹ có học vấn cao hơn thì xác suất ngoài nhà trường của trẻ em thấp hơn. Cụ thể, khi tính đến ảnh hưởng của các biến số khác có trong mô hình, hệ số hồi quy của trẻ em ở nhóm có bố mẹ với học vấn trung học cơ sở là -0,44 và ở nhóm có bố mẹ với học vấn trung học phổ thông trở lên là -0,56. Tác động biến số học vấn của bố mẹ đối với xác suất ngoài nhà trường của trẻ em là mạnh nhất trong mô hình. Điều này khẳng định, mối quan hệ giữa học vấn của bố mẹ với việc đầu tư giáo dục cho con cái là mối quan hệ trực tiếp và nhân quả. Các bậc cha mẹ có học vấn cao hơn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nhu cầu và tinh thần trách nhiệm trong vấn đề tiếp cận giáo dục của trẻ em. Có thể các bậc bố mẹ có học vấn thấp không nhận thấy được hiệu quả, không có khả năng hoặc không có chiến lược trong đầu tư giáo dục cho con cái và vốn nhân lực thấp sẽ bị ảnh hưởng trong việc truyền tải giáo dục và tái tạo lại trong thế hệ con cái. Kết quả này khẳng định tính đúng đắn của lý thuyết vốn con người khi cho rằng, học vấn của bố mẹ thấp hơn thì khả năng đầu tư vào giáo dục cho con cái cũng thấp hơn.

Sau khi tính đến sự ảnh hưởng của các biến số khác trong mô hình, biến số nghề nghiệp của bố mẹ vẫn có sự ảnh hưởng và có ý nghĩa thống kê với tỉ lệ

ngoài nhà trường của trẻ em tuổi trung học. Trẻ em ở nhóm có bố mẹ làm nông nghiệp có hệ số hồi quy cao hơn 0,13 lần so với trẻ em ở nhóm có bố mẹ làm nghề phi nông nghiệp. Nghề nghiệp là yếu tố quy định địa vị xã hội của mỗi cá nhân cũng như các nhóm xã hội. Cho dù có sự khác biệt giữa những đặc trưng nhưng các cá nhân trong xã hội có chung những điểm tương đồng, mối quan tâm và do xuất phát từ sự giống nhau về nghề nghiệp. Nhóm dân số làm nghề nông nghiệp thường là những người có nguồn vốn con người thấp hơn do học vấn thấp. Họ cũng là tầng lớp có địa vị xã hội, mối quan hệ xã hội và vốn xã hội thấp trong xã hội so với những người lao động phi nông nghiệp, có nghề nghiệp chuyên môn. Vì thế, những người làm nông nghiệp có khả năng đầu tư vào giáo dục cho con cái cũng thấp hơn. Có thể thấy, trong xu thế hiện tại, lao động giản đơn không còn là một lợi thế trong xã hội thông tin và công nghệ bậc cao. Sức lao động mà nền sản xuất hiện đại cần đến không còn dựa vào kinh nghiệm ở trình độ nông nghiệp lạc hậu mà được quy định bởi những kỹ thuật, công nghệ mới. Do vậy, trẻ em trong tuổi trung học không được đi học và đào tạo kỹ năng thì sẽ khó khăn trong việc có được một địa vị trong xã hội.

Số lượng thành viên hộ gia đình ảnh hưởng đến tình trạng ngoài nhà trường của trẻ em tuổi trung học theo hình thức đồng biến và có ý nghĩa thống kê. Nếu có thêm một thành viên trong hộ gia đình thì hệ số ngoài nhà trường của trẻ em tăng lên 0,04 đơn vị. Như vậy, có thể thấy quy mô hộ gia đình lớn là một trong những yếu tố làm tăng khả năng ngoài nhà trường, cản trở việc đi học của trẻ em tuổi trung học như lý thuyết vốn con người đã đề cập. Khi gia đình có quy mô lớn thì nguồn lực phải chia sẻ cho nhiều thành viên và cho nhiều nhu cầu khác nhau, do đó, việc đầu tư vào giáo dục cho trẻ em cũng sẽ hạn chế.

Trẻ em tuổi trung học ở hộ gia đình có mức sống cao hơn thì hệ số ngoài nhà trường thấp hơn so với trẻ em ở hộ gia đình nghèo nhất (nhóm so sánh). Gia đình có điều kiện kinh tế cao hơn thì có khả năng hơn trong việc đầu tư giáo dục cho trẻ em. Kết quả này chứng minh việc đi học, duy trì học đường của trẻ em phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện kinh tế gia đình như lý thuyết vốn con người đã chỉ ra. Qua đó cho thấy, giáo dục trung học có khả năng phổ cập với những nhóm khá giả hơn, vì gia đình có điều kiện sẽ đảm bảo cho trẻ em đến trường hơn (Trần Quý Long, 2018a). Có thể thấy, trẻ em trong gia đình nghèo không có điều kiện được đi học và phải ở ngoài nhà trường thì tương lai sẽ có nguồn vốn con người thấp và như vậy thì nhóm trẻ em này có khả năng lại tiếp tục có cuộc sống nghèo khổ. Trong thực tế, học phí chỉ là một phần chi phí bằng tiền liên quan đến giáo dục của trẻ em mà gia đình phải đóng góp bởi vì trẻ em đi học được yêu cầu phải đóng góp rất nhiều quỹ khác nhau và phải chịu rất nhiều chi phí khác trong quá trình học tập như tiền xây dựng cơ sở vật chất nộp vào đầu năm học, sách vở và

đồ dùng học tập, các khoản phí hàng tháng để chi trả một số dịch vụ, đi lại, bán trú,... Với những gia đình có mức sống thấp thì chi phí đi học có thể là một rào cản lớn mặc dù mức sinh lợi của giáo dục cho trẻ em trong tương lai là điều có thể nhìn thấy được. Bên cạnh đó, việc mất các chi phí cơ hội do trẻ em không tham gia làm việc đóng góp thu nhập cho hộ gia đình mà thay vào đó là đi học có thể dẫn đến việc các gia đình có mức sống nghèo cân nhắc và cắt giảm đầu tư vào giáo dục cho trẻ em. Vì thế, trẻ em ở hộ gia đình có mức sống nghèo có tình trạng ngoài nhà trường nhiều hơn so với gia đình có mức sống cao hơn. Nghèo khổ có thể khiến trẻ em không đi học hoặc phải bỏ học sớm để làm việc nhà hoặc gia nhập vào thị trường lao động. Khi đã rời trường học thì trẻ em thường không quay trở lại đi học, cho nên cái lợi trước mắt về thu nhập cho cha mẹ và gia đình có được bằng cái giá của việc học hành dở dang của trẻ em. Qua đó cho thấy, chính sách hỗ trợ trẻ em nghèo trong việc tiếp cận giáo dục phổ thông là rất cần thiết để giảm bớt tình trạng ngoài nhà trường dẫn đến vốn con người thấp sẽ tái tạo sự bất bình đẳng trong xã hội.

Kết quả phân tích cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa tình trạng ngoài nhà trường của trẻ em tuổi trung học với nơi cư trú. Nói cách khác, địa bàn đang sống không ảnh hưởng đến khả năng ở ngoài nhà trường của trẻ em khi tính đến ảnh hưởng của các yếu tố khác. Kết quả này cho thấy, cùng một nhóm địa vị kinh tế - xã hội thì khả năng ngoài nhà trường của trẻ em ở khu vực nông thôn và thành thị là như nhau.

So với vùng Đồng bằng sông Hồng, tình trạng trẻ em tuổi trung học ngoài nhà trường ở các vùng khác đều cao hơn. Trong đó, trẻ em vùng Đồng bằng sông Cửu Long có hệ số ngoài nhà trường cao nhất so với các vùng khác, tiếp theo là Đông Nam Bộ. Qua đó cho thấy, Đồng bằng sông Cửu Long là “vùng trũng” trong lĩnh vực giáo dục của trẻ em. Có khả năng là việc làm và thu nhập dễ dàng hơn ở những vùng kinh tế - xã hội phát triển như Đông Nam Bộ nên người dân Đồng bằng sông Cửu Long có sự cân nhắc và không đầu tư vào giáo dục cho trẻ em. Bên cạnh đó, ngoài sự lạc hậu về kinh tế, yếu kém về cơ sở hạ tầng, thiếu thông tin thì sự khác nhau về phong tục tập quán, thái độ, quan niệm của người dân mỗi vùng cũng có thể ảnh hưởng đến vấn đề trẻ em ngoài nhà trường.

Kết luận và thảo luận

Trẻ em trong độ tuổi giáo dục phổ thông ở các bậc trung học là nhóm dân số đang trong giai đoạn quan trọng của quá trình phát triển và định hình. Nhóm trẻ em này sẵn sàng mở mang đầu óc để tiếp thu kiến thức, học hỏi kỹ năng và tiếp nhận những giá trị mới. Kiến thức, kỹ năng, vốn con người của nhóm trẻ em tuổi trung học trước cuộc sống vẫn đang được hình thành và tích lũy, tuy nhiên, nếu một trẻ em nào đó trong tình trạng ngoài nhà trường, không được đi học vì bất cứ lý do nào thì đây là một cơ hội vàng thực sự đã bị bỏ lỡ.

Nghiên cứu cho thấy gia đình với nguồn vốn con người, địa vị kinh tế - xã hội thấp hơn thì khả năng đầu tư vào vốn con người cho trẻ em thông qua việc đi học cũng thấp hơn như lý thuyết vốn con người đã chỉ ra. Hộ gia đình có địa vị kinh tế - xã hội thấp thường ít có khả năng tạo ra nguồn lực cho chính mình, vì vậy làm giảm hơn nữa khả năng của gia đình trong việc đầu tư các nguồn lực thích hợp vào vốn con người cho trẻ em. Thực tế cho thấy, những gia đình có địa vị kinh tế - xã hội, nguồn lực thấp không thể cho trẻ em đi học ngay từ đầu, không thể duy trì giáo dục khi trẻ em bị lưu ban do vấn đề sức khỏe hay thành tích học tập hoặc phải cắt giảm việc học tập ở cấp học cao hơn do vấn đề chi phí trực tiếp hoặc chi phí cơ hội. Mặc dù Nhà nước đã thực hiện những chính sách nhằm giảm bớt gánh nặng tài chính cho việc học hành của trẻ em nhưng các hộ gia đình vẫn phải đóng góp đáng kể các khoản chi phí cho giáo dục của con cái và vì thế hạn chế khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em ở những hộ yếu thế. Vấn đề cần quan tâm ở đây là các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục cần được xây dựng hướng đến nhóm trẻ em trong các hộ gia đình có địa vị kinh tế - xã hội thấp, thiết thòi, yếu thế nhằm tránh tình trạng bất bình đẳng về vốn con người, nguồn nhân lực, trình độ giáo dục giữa các nhóm trẻ em có hoàn cảnh xã hội khác nhau.

Giáo dục không chỉ trang bị các kỹ năng, kiến thức mà còn tạo ra các cơ hội cho những người được đào tạo nâng cao năng suất lao động và có thêm nhiều cơ hội tốt hơn để tiếp cận với công việc ở khu vực chính thức cũng như phi chính thức. Những phần thưởng xã hội như địa vị xã hội, thu nhập sẽ được thể hiện rõ nét hơn ở những cá nhân có nguồn vốn con người cao nhờ trình độ học vấn cao. Nếu như một trẻ em trong tuổi giáo dục phổ thông mà ở ngoài nhà trường thì đương nhiên trẻ em đó ít có cơ hội để nâng cao học vấn của mình. Vì thế, gia đình và trẻ em cần phải nhìn nhận giáo dục như là một lĩnh vực đầu tư có hiệu quả nhất cho thế hệ sau, là tấm hộ chiếu cho các cá nhân có được việc làm tốt hơn, có thu nhập cao hơn, đồng thời làm tăng năng suất lao động và góp phần bảo đảm an toàn cho xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNICEF Việt Nam. 2013. *Báo cáo Trẻ em ngoài nhà trường: Nghiên cứu của Việt Nam*. Hà Nội.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, ILO. 2014. *Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2012 - Các kết quả chính*. Hà Nội.
3. Gary S. Becker. 1993. *Human capital: A theoretical and empirical analysis, with special reference to education (Third edition)*. The University of Chicago Press, Chicago and London.

4. Vu Hoang Linh. 2012. “An overview of access to and inequality in the education system of Viet Nam”. *Asia-Pacific Development Journal*, vol. 19.
5. Trần Quý Long. 2013. “Các yếu tố gia đình ảnh hưởng đến tuổi thọ học của thanh thiếu niên Việt Nam”. Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2(23).
6. Trần Quý Long. 2014. “Tiếp cận giáo dục của trẻ em Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng”. Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 4.
7. Trần Quý Long. 2018a. “Những yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận giáo dục trung học của trẻ em Việt Nam”. Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6.
8. Trần Quý Long. 2018b. “Tác động của các yếu tố đối với tiếp cận giáo dục trung học của trẻ em Việt Nam”. Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 9.
9. Trần Quý Long. 2018c. “Việc đi học của trẻ em trong độ tuổi trung học và những yếu tố ảnh hưởng”. Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1(28).
10. Tổng cục Thống kê và UNICEF. 2015. *Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2014, Báo cáo cuối cùng*. Hà Nội.
11. Trần Quốc Toàn, Đặng Ứng Vận, Đặng Bá Lâm, Trần Thị Bích Liễu. 2012. *Phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
12. UBND tỉnh An Giang, UNICEF Việt Nam. 2012. *Phân tích tình hình trẻ em tỉnh An Giang*.
13. UBND tỉnh Gia Lai và UNICEF Việt Nam. 2015. *Phân tích tình hình trẻ em tỉnh Gia Lai*.
14. UBND tỉnh Ninh Thuận và UNICEF Việt Nam. 2012. *Phân tích tình hình trẻ em tỉnh Ninh Thuận*.
15. UBND Tp. Hồ Chí Minh và UNICEF Việt Nam. 2017. *Phân tích tình hình trẻ em Tp. Hồ Chí Minh*.
16. UNESCO. 2005. *Education for all - The quality imperative*. The United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization. Paris.
17. UNESCO. 2007. *Education for All by 2015 - Will we make it?* The United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization. Paris.
18. UNESCO. 2012. *Youth and Skills - Putting education to work*. UNESCO. Paris.
19. UNICEF. 2011. *Adolescence - An age of opportunity*. The United Nations Children's Fund. New York.
20. World Bank. 2006. *Development and the next generation*. The World Bank. Washington, D.C.
21. Young Lives. 2011. *Báo cáo điều tra vòng 3: Trẻ em lớn lên như thế nào trong thiên niên kỷ mới? Những kết quả ban đầu của Việt Nam*. Chương trình Những cuộc đời trẻ thơ. Hà Nội.